

Bản án số: 670/2024/HC-PT

Ngày: 28 - 6 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Ông Trần Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 65/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 01 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực thu hồi, bồi thường đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 111/2023/HCST ngày 02 và 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 622/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1965. (xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Sỹ T1, sinh năm 1979, Địa chỉ: A đường N, Phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (xin xét xử vắng mặt)

- Người bị kiện:

1/. Ủy ban nhân dân tỉnh B;

2/. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B;

Địa chỉ: số A P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Phan Văn M - Phó giám đốc Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh B.
(xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Dương Quốc H - Chuyên viên Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh B.
(có mặt)

3/. Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt UBND) huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

4/. Chủ tịch UBND huyện C;

Địa chỉ: số G đường T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn B - Chủ tịch. (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

+ Ông Lê Văn D – Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường huyện C. (có mặt)

+ Ông Võ Đông G – Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất huyện C. (xin xét xử vắng mặt)

- ***Người kháng cáo:*** Bà Đỗ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/03/2023 (BL 13-15) và đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/3/2023 (BL16-18), bà Đỗ Thị T khởi kiện UBND tỉnh B, Chủ tịch UBND tỉnh B; UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C cụ thể như sau:

- Hủy một phần Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi 778,863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C, xã L, xã H thuộc thành phố B do Ban Q không còn nhu cầu sử dụng đất được giao, yêu cầu hủy phần Khoản 2, Điều 2 của quyết định này.

- Hủy Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại quyết định 4175/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện C.

- Hủy Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Hủy Công văn số 5447/UBND-VP ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của bà T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho bà T diện tích đất thu hồi 5.789,8 m² đất theo giá đất tại thời điểm hiện tại.

Lý do khởi kiện: Vào ngày 05/7/2002, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 5710/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù giải tỏa thu hồi 5.798,8m² của gia đình bà T để xây dựng Hệ thống kênh thuộc hồ chứa nước Đá Đen. Trong quá trình thu hồi đất gia đình bà T đã thực hiện việc giao đất để Nhà nước thực hiện xây dựng công trình Hệ thống kênh trên. Tuy vậy, trong nhiều năm sau đó dự án vẫn không thực hiện.

Ngày 24/12/2010, UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3497/QĐ-UBND về việc thu hồi 778.863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C; xã H, xã L thuộc thị xã B do Ban Q (trước đây là Ban Q1) không còn nhu cầu sử dụng đất được giao. Theo nội dung Quyết định, UBND huyện có trách nhiệm triển khai Quyết định này. Trong đó, UBND huyện C xem xét hoàn trả quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất trước khi có Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật đất đai. Bà T được một số hộ dân cùng bị thu hồi đất để xây dựng Hệ thống kênh mương cho biết họ đã được nhận lại Quyền sử dụng đất. Nhưng đến nay bà T vẫn chưa được UBND huyện C thực hiện việc hoàn trả lại đất hoặc thực hiện việc bồi thường theo đúng quy định về bồi thường khi thu hồi đất.

Nội dung của Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 đã vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về đất đai, cụ thể là khoản 3 Điều 74 Luật Đất đai: “*Việc bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất phải bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, kịp thời và đúng quy định của pháp luật*”, bởi những lý do sau:

Thứ nhất, Việc thu hồi đất để xây dựng Hệ thống kênh thuộc hồ chứa nước Đá Đen đây là công trình thuộc hệ thống các công trình về an sinh xã hội. Còn đối với việc thu hồi đất sử dụng vào xây dựng Khu công nghiệp - là sử dụng vào mục đích thương mại dịch vụ. Hai mục đích thu hồi đất khác nhau. Không sử dụng đúng mục đích khi thu hồi đất của người dân, kế hoạch sử dụng đất khi thu hồi.

Thứ hai, tại Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010, UBND tỉnh B có giao cho UBND huyện C thực hiện việc trả lại đất cho những người có đất không thuộc diện quy hoạch Khu công nghiệp và đô thị C, còn đối với trường hợp thuộc quy hoạch thì giao cho C đầu tư Khu công nghiệp - là Công ty Cổ phần S; việc này là không công bằng giữa những người dân cùng bị thu hồi đất để sử dụng vào việc xây dựng Hệ thống kênh mương Hồ Đá Đen. Trong trường hợp này phải hoàn trả lại đất cho các hộ dân đã thu hồi đất vì đã hủy không thực hiện xây dựng Hệ thống kênh mương Hồ Đá Đen, đối với diện tích đất nằm trong khu quy hoạch Khu công nghiệp, bà T hoàn toàn chấp nhận chủ trương của Nhà nước về việc xây dựng khu công nghiệp SONADEZI. Tuy nhiên phải bồi thường theo quy định về chính sách về việc thu hồi đất cho Khu công nghiệp -. Đây là điều người dân mong muốn và thể hiện đúng sự công bằng.

Thứ ba, đối với Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010, được UBND tỉnh B ban hành đã xác định sai đối tượng điều chỉnh khi chấm dứt thực hiện Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể: Chủ đầu tư Khu công nghiệp - là Công ty Cổ phần S, không thuộc đối tượng của Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ cũng như Quyết định số 5710/QĐ-UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù giải tỏa thu hồi 5.798,8m² của bà T để xây dựng Hệ thống kênh thuộc hồ chứa nước Đá Đen. Nhưng lại được hưởng lợi khi UBND tỉnh không thực hiện dự án này và hủy bỏ Quyết định này.

Vì những lý do trên, khi bà T biết được Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh B, bà đã nộp đơn kiến nghị tới UBND huyện C. Tuy nhiên, UBND huyện C chỉ ban hành Văn bản số 5447/UBND-VP ngày 13/11/2020, trả lời đơn kiến nghị chứ chưa hề ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại cho bà T. Ngày 04/12/2020, bà tiếp tục làm Đơn kiến nghị tới UBND huyện C về vấn đề trên. Ngày 16/3/2021, UBND huyện C ban hành Quyết định số 1232/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện C về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị T, địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; khiếu nại Văn bản số 5447/UBND-TNMT ngày 13/11/2020 của UBND huyện (lần đầu), qua đó UBND huyện C bác nội dung khiếu nại của bà T và giữ nguyên nội dung Văn bản số 5447/UBND-TNMT.

Sau đó, bà T nộp đơn khiếu nại lần hai đối với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu Quyết định số 1232/QĐ –UBND của Chủ tịch UBND huyện C tới UBND tỉnh B để giải quyết.

Ngày 19/10/2021, UBND huyện C đã ban hành Quyết định số 4175/QĐ-UBND, về việc hủy toàn bộ các Quyết định giải quyết khiếu nại số 1232/QĐ-UBND ngày 16/3/2021. UBND huyện C thu hồi, hủy bỏ các quyết định trên vì lý do: “Nội dung khiếu nại liên quan đến Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh; đơn khiếu nại không được thụ lý giải quyết theo quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 11, Luật khiếu nại năm 2011”.

Ngày 01/11/2021, Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 3534/QĐ-UBND về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B; lý do Quyết định 1232/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị T (lần một) của UBND huyện C đã bị thu hồi, hủy bỏ.

Việc hủy bỏ các Văn bản như đã nêu ở trên của UBND huyện C lấy lý do vì nội dung khiếu nại có liên quan đến Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh là văn bản nội bộ là không đúng. Bởi Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh có nội dung giải quyết hậu quả khi chấm dứt thực hiện một dự án, ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của bà T, hơn nữa còn vi phạm nghiêm trọng quy tắc công bằng trong việc bồi thường cho người dân khi Nhà nước thu hồi đất, không đúng đối tượng của Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Thủ

tướng Chính phủ bởi theo luật ban hành văn bản khi một Quyết định bị đình chỉ thì hậu quả pháp lý là của ai được trả lại cho người đó.

Ngày 19/11/2021, bà Đỗ Thị T, có làm đơn khiếu nại Quyết định 4175/QĐ-UBND huyện C, ngày 13/07/2022, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 1951/QĐ-UBND về việc giữ nguyên Quyết định 4175/QĐ-UBND ngày 19/10/2021.

Thứ tư, Quyết định số 3497/QĐ-UBND được UBND tỉnh B ban hành ngày 24/12/2010 là trái với thẩm quyền vì điều chỉnh Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ theo Điều 81 Luật ban hành quy phạm pháp luật năm 2008 thì Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ hết hiệu lực pháp luật chỉ khi Thủ tướng Chính phủ ban hành một văn bản mới thay thế.

Thứ năm, Qua các tài liệu mà Ủy ban nhân dân huyện C cung cấp bà T cho rằng: Ngày 07/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định 4086/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp -, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và đối chiếu với bản đồ quy hoạch chi tiết thì bà cho rằng toàn bộ diện tích đất của bà T nằm trong phần xây dựng khu đô thị Đ, tiếp giáp với Quốc lộ E.

Do vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi đất của dân cụ thể là bà T làm công trình thủy lợi nhằm phục vụ lợi ích công cộng; nay Ủy ban lại giao cho doanh nghiệp thực hiện việc xây dựng khu đô thị là trái với quy định của Luật đất đai; làm thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân nhưng đem lại lợi ích cho doanh nghiệp. Vì vậy, bà Đỗ Thị T đã làm đơn khởi kiện các Quyết định trên.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày:

Tại văn bản Văn bản ý kiến số 6851/UBND-VP ngày 05/6/2023 như sau:

Theo Thông báo thụ lý số 48/2023/TLST-HC ngày 23/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh, bà Đỗ Thị T có đơn khởi kiện với yêu cầu:

- “Hủy quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh B về việc thu hồi 778.863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N, thuộc huyện C; xã H, xã L thuộc thị xã B do Ban Q (trước đây là Ban Q1) không còn nhu cầu sử dụng đất được giao; cụ thể: khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh B và hủy Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B”.

Trình tự, thủ tục thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với bà Đỗ Thị T:

Ngày 12/5/2000, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 430/QĐ-TTg về việc giao đất cho Ban Q1 để xây dựng công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 05/7/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 5606/QĐ.UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù cho 113 hộ dân cư có đất bị thu hồi để xây dựng Hệ thống kênh chính thuộc công trình hồ Đ, xã N, huyện C. Trong đó, hộ bà Đỗ Thị T có đất thu hồi là 5.798,8m² đất nông nghiệp.

Cùng ngày 05/7/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 5710/QĐ.UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù cho hộ bà Đỗ Thị T để thu hồi đất giao cho Ban Q1 đầu tư xây dựng công trình Hệ thống kênh thuộc Hồ chứa nước Đá Đen, với tổng số tiền đền bù là 23.079.224 đồng, trong đó: Bồi thường thiệt hại do thu hồi đất là 19.599.994 đồng (diện tích 5.798,8m² đất nông nghiệp), bồi thường thiệt hại hoa màu cây trái là 3.479.280 đồng. Phần kinh phí đền bù này hộ bà Đỗ Thị T đã nhận đủ và đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư.

Tuy nhiên, sau khi thu hồi và đền bù cho các hộ dân thì dự án Hệ thống kênh chính thuộc công trình Hồ chứa nước Đá Đen triển khai thực hiện không hiệu quả, đồng thời Thủ tướng Chính phủ cũng có Văn bản số 919/TTg-CN ngày 11/7/2007 đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp -. Ngày 28/8/2008, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có Quyết định số 2915/QĐ-UB phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp -, Quyết định số 4086/QĐ-UB ngày 07/12/2009 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghiệp -.

Ngày 24/12/2010, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 3497/QĐ-UBND về việc thu hồi 778.863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C; xã H, xã L thuộc thị xã B do Ban Q (trước đây là Ban Q1) không còn nhu cầu sử dụng đất được giao. Trong đó: Diện tích thu hồi tại huyện C là 384.280,4m² và Ủy ban nhân dân huyện C có trách nhiệm:

“a/- Đối với phần diện tích đất ngoài Khu Công nghiệp -:

Tổ chức tiếp nhận toàn bộ diện tích đất thu hồi thuộc huyện C để quản lý và xem xét lập thủ tục hoàn trả Quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất trước khi có Quyết định thu hồi đất số: 430/QĐ-TTg ngày 12 tháng 5 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật đất đai.

Thu hồi số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất bị thu hồi đất trước đây và nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

b/- Đối với phần diện tích đất trong Khu Công nghiệp -:

Chủ đầu tư Khu Công nghiệp - là Công ty Cổ phần S có trách nhiệm nộp hoàn lại số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất bị thu hồi trước đây vào Ngân sách Nhà nước theo quy định pháp luật”.

Như vậy, Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh B được ban hành đúng quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai 2003.

Đối với diện tích đất trước đây bị thu hồi theo Quyết định số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ để đầu tư xây dựng công trình thủy lợi

Hồ chứa nước Đá Đen nhưng hiện nay nằm ngoài quy hoạch xây dựng Khu Công nghiệp - thì thực hiện thủ tục hoàn trả lại quyền sử dụng đất cho hộ dân; đối với trường hợp nằm trong quy hoạch xây dựng Khu Công nghiệp - thì không thực hiện thủ tục hoàn trả lại quyền sử dụng đất cho hộ dân.

Qua rà soát số liệu thu hồi đất của tuyến kênh chính thuộc công trình Hồ chứa nước Đá Đen và bản đồ thu hồi đất công trình Khu Công nghiệp - thì phần diện tích đất thu hồi của bà Đỗ Thị T là 5.798,8m² gồm 37 thửa đất (129, 130, 130A, 131, 132, 133, 134, 136, 137, 138, 139, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 344, 345, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620 từ bản đồ thu hồi số 3K được Sở T xác nhận ngày 06/3/2000), được xác định tương ứng với các thửa đất số C/52, 53, C/57, C/58, C/64, C/68, 69, 70, C/71, C/74, C/79, C/75, C/84, C/90, C/91, C/99, C/109, C/111, C/124, C/130 từ bản đồ địa chính số 8 xã H (cũ) và tương ứng với các thửa đất số 129, 130, 131, 132, 133, 134, 136, 137, 138, 139, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252 từ bản đồ địa chính số 04 xã N. Toàn bộ phần diện tích này đều nằm trong phạm vi thu hồi công trình Khu Công nghiệp -. Việc bà Đỗ Thị T đề nghị hoàn trả lại đất cho gia đình bà do không thực hiện đầu tư xây dựng hạng mục tuyến kênh chính thuộc công trình Hồ chứa nước Đá Đen là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị Trọng

Ngày 24/5/2018, bà Đỗ Thị T có đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân huyện C với nội dung yêu cầu: Nếu Nhà nước không tiếp tục thực hiện công trình Hồ chứa nước Đá Đen thì phải hoàn trả lại phần diện tích đất đã thu hồi, đồng thời gia đình bà sẽ hoàn trả lại cho Nhà nước số tiền đền bù đã nhận trước đây; nếu Nhà nước thu hồi để xây dựng Khu Công nghiệp - thì đề nghị được kiểm kê lại toàn bộ phần diện tích đất và áp dụng chính sách bồi thường theo quy định.

Ngày 02/7/2018, Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản số 1947/UBND-VP về việc trả lời đơn của bà Đỗ Thị T với nội dung không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Ngày 25/8/2020, bà Đỗ Thị T tiếp tục có đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân huyện C với cùng nội dung nêu trên (Đơn do Ban T2 công dân chuyển đến). Đến ngày 13/11/2020, Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản số 5447/UBND-TNMT về việc trả lời đơn của bà Đỗ Thị T với nội dung không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Không đồng ý, bà Đỗ Thị T có đơn ghi ngày 04/12/2020 khiếu nại Văn bản số 5447/UBND-TNMT ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 16/3/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1232/QĐ-UBND; bác nội dung khiếu nại của bà Đỗ Thị T, giữ nguyên nội dung Văn bản số 5447/UBND-TNMT ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Không đồng ý, bà Đỗ Thị T có gửi đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1232/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Ngày 14/4/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Thông báo số 248/TB-UBND về thụ lý giải quyết khiếu nại lần hai của bà Đỗ Thị T và Quyết định số 1027/QĐ-UBND giao Giám đốc Sở T tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của bà Đỗ Thị T.

Tại Báo cáo số 269/BC-STNMT ngày 14/9/2021, Sở T xác định: “Diện tích đất 5.798,8m² mà bà Đỗ Thị T đang khiếu nại, trước đây bị thu hồi theo Quyết định số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ để đầu tư xây dựng Công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh P kinh phí đền bù cho hộ bà Đỗ Thị T theo Quyết định số 5710/QĐ-UBND ngày 05/7/2002. Đồng thời, hộ bà Đỗ Thị T đã nhận đầy đủ số tiền đền bù này và đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư. Như vậy, tính từ thời điểm bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thì diện tích 5.798,8m² bị thu hồi của bà Đỗ Thị T thuộc diện tích đất công do Nhà nước quản lý. Do đó, mặc dù hiện trạng trên đất đến nay Nhà nước chưa xây dựng công trình nhưng phần đất này đã xác định là quỹ đất công trình công cộng do Nhà nước quản lý, nên Nhà nước có quyền sử dụng diện tích 5.798,8m² này vào bất cứ mục đích gì theo quy định của pháp luật. Trong thực tế, Nhà nước đã đưa diện tích đất này vào trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhằm mục đích phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Vì vậy, nội dung khiếu nại của bà Đỗ Thị T yêu cầu Nhà nước hoàn trả lại quyền sử dụng 5.798,8m² đất trước đây đã thu hồi để đầu tư xây dựng hạng mục tuyến kênh chính thuộc công trình Hồ chứa nước Đá Đen nhưng không còn thực hiện hoặc phải bồi thường phần diện tích này theo đơn giá đất thu hồi công trình Khu Công nghiệp - là không phù hợp với nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh B tại Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 và không có cơ sở giải quyết”.

Đối tượng khiếu nại của bà Đỗ Thị T là Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; nội dung của Quyết định này là Quyết định hành chính trong chỉ đạo điều hành của cơ quan hành chính cấp trên với cơ quan hành chính cấp dưới và không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ bà Đỗ Thị T. Do đó, căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011 thì khiếu nại của bà T thuộc trường hợp không được thụ lý giải quyết.

Ngày 19/10/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C có Quyết định số 4175/QĐ-UBND về hủy bỏ Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Đỗ Thị T.

Ngày 01/11/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có Quyết định số 3534/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B là để giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Đỗ Thị T đối với Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện C về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Đỗ Thị T. Nay Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện C đã bị thu hồi, hủy bỏ theo Quyết định số 4175/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện C, đối tượng khiếu nại không còn nên Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B cần phải thu hồi, hủy bỏ. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B là đúng quy định. Việc bà Đỗ Thị T yêu cầu tuyên hủy Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh là không có cơ sở xem xét.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:

Phần diện tích đất thu hồi của bà Đỗ Thị T để đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen là 5.798,8m² thuộc 37 thửa đất tờ bản đồ thu hồi số 3K được Sở T xác nhận ngày 06/3/2000 gồm các thửa đất số 129, 130, 130A, 131, 132, 133, 134, 136, 137, 138, 139, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 344, 345, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620; được xác định tương ứng với các thửa đất số C/52, 53, C/57, C/58, C/64, C/68, 69, 70, C/71, C/74, C/79, C/75, C/84, C/90, C/91, C/99, C/109, C/111, C/124, C/130 tờ bản đồ địa chính số 8 xã H (cũ) và tương ứng với các thửa đất số 129, 130, 131, 132, 133, 134, 136, 137, 138, 139, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252 tờ bản đồ địa chính số 04 xã N.

Bà Đỗ Thị T đã được phê duyệt kinh phí đền bù theo Quyết định số 5710/QĐ-UBND ngày 05/7/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh B với tổng kinh phí là 23.079.224 đồng. Trong đó: Bồi thường thiệt hại do thu hồi đất là 19.599.994 đồng (diện tích 5.798,8m² đất nông nghiệp), bồi thường thiệt hại hoa màu cây trái là 3.479.280 đồng. Phần kinh phí đền bù này hộ bà Đỗ Thị T đã nhận đủ và đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư.

Tuy nhiên, sau khi thu hồi và đền bù cho các hộ dân thì Dự án triển khai thực hiện không hiệu quả. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 về việc thu hồi 778.863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C; xã H, xã L thuộc thị xã B do Ban Q (trước đây là Ban Q1) không còn nhu cầu sử dụng đất được giao. Tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh C:

- Đối với phần diện tích đất ngoài Khu công nghiệp -: Ủy ban nhân dân tỉnh huyện C có trách nhiệm xem xét lập thủ tục hoàn trả quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất trước khi có Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với phần diện tích đất trong Khu công nghiệp -: Chủ đầu tư Khu công nghiệp - là Công ty cổ phần S có trách nhiệm nộp hoàn lại số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất bị thu hồi trước đây vào Ngân sách Nhà nước.

Như vậy, mặc dù đã ngưng việc xây dựng hệ thống kênh chính thuộc công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen nhưng quỹ đất đã thu hồi vẫn được xác định là đất công trình công cộng do Nhà nước quản lý nên Nhà nước có quyền sử dụng diện tích đất này vào bất cứ mục đích gì theo quy định của pháp luật. Trước đó, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 919/TTg-CN ngày 11/7/2007 đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp - (trong đó có phần diện tích đất đã thu hồi để đầu tư xây dựng hệ thống kênh chính thuộc công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen) và hiện nay Dự án này vẫn đang triển khai thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

Qua rà soát số liệu thu hồi đất của tuyến kênh chính thuộc công trình Hồ chứa nước Đá Đen và bản đồ thu hồi đất công trình Khu Công nghiệp - thì phần diện tích 5.798,8m² của bà Đỗ Thị T đều nằm trong phạm vi thu hồi công trình Khu công nghiệp -. Việc bà Đỗ Thị T yêu cầu bồi thường theo đơn giá đất thu hồi công trình Khu Công nghiệp - là không phù hợp với nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh B tại Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 và không có cơ sở giải quyết.

Việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 1947/UBND-VP ngày 02/7/2018, Văn bản số 5447/UBND-TNMT ngày 13/11/2020 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1951/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 là đúng quy định pháp luật và đúng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh B tại Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010.

Việc UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 về việc thu hồi 778.863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C; xã H, xã L thuộc thị xã B do Ban Q (trước đây là Ban Q1) không còn nhu cầu sử dụng đất được giao là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Đất đai 2003.

Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B là để giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Đỗ Thị T đối với Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện C về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Đỗ Thị T. Nay Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện C đã bị thu hồi, hủy bỏ theo Quyết định số 4175/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện C, đối tượng khiếu nại không còn nên Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B cần phải thu hồi, hủy bỏ. Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B là đúng quy định.

Căn cứ hồ sơ tài liệu và chứng cứ thu thập, UBND huyện C xác nhận phần diện tích 5.798,8m² của bà Đỗ Thị T bị thu hồi nằm trong Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh; bà Đỗ Thị T đã nhận đủ tiền và đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư là Ban Q (trước đây là Ban Q1) sau này chủ đầu tư không còn nhu cầu sử dụng và UBND tỉnh đã thu hồi quỹ đất này giao về cho UBND huyện C quản lý, phần diện tích đất này nằm trong công trình Khu Công nghiệp -.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T “*Hủy quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh B về việc thu hồi 778.863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C; xã H, xã L thuộc thị xã B do Ban Q (trước đây là Ban Q1) không còn nhu cầu sử dụng đất được giao; cụ thể: khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của UBND tỉnh B và hủy Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh B*” là không có căn cứ chấp nhận.

Do đó, UBND tỉnh đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị T.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Ủy ban nhân dân huyện C, Chủ tịch UBND huyện C trình bày:

Phần diện tích đất thu hồi của bà Đỗ Thị T để đầu tư xây dựng công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen là 5.798,8m² thuộc 37 thửa đất tờ bản đồ thu hồi số 3K được Sở T xác nhận ngày 06/3/2000 gồm các thửa đất số 129, 130, 130A, 131, 132, 133, 134, 136, 137, 138, 139, 237, 238, 239, 240, 241, 242, 243, 344, 345, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 611, 612, 613, 614, 615, 616, 617, 618, 619, 620; được xác định tương ứng với các thửa đất số C/52, 53, C/57, C/58, C/64, C/68, 69, 70, C/71, C/74, C/79, C/75, C/84, C/90, C/91, C/99, C/109, C/111, C/124, C/130 tờ bản đồ địa chính số 8 xã H (cũ) và tương ứng với các thửa đất số 129, 130, 131, 132, 133, 134, 136, 137, 138, 139, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252 tờ bản đồ địa chính số 04 xã N.

Bà Đỗ Thị T đã được phê duyệt kinh phí đền bù theo Quyết định số 5710/QĐ-UBND ngày 05/7/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh B với tổng kinh phí là 23.079.224 đồng. Trong đó: Bồi thường thiệt hại do thu hồi đất là 19.599.994 đồng (diện tích 5.798,8m² đất nông nghiệp), bồi thường thiệt hại hoa màu cây trái là 3.479.280 đồng. Phần kinh phí đền bù này hộ bà Đỗ Thị T đã nhận đủ và đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư.

Tuy nhiên, sau khi thu hồi và đền bù cho các hộ dân thì Dự án triển khai thực hiện không hiệu quả. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 về việc thu hồi 778.863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C; xã H, xã L thuộc thị xã B do Ban Q (trước đây là Ban Q1) không còn nhu cầu sử dụng đất được giao. Tại Quyết định này, Ủy ban nhân dân tỉnh C:

- Đối với phần diện tích đất ngoài Khu công nghiệp -: Ủy ban nhân dân tỉnh huyện C có trách nhiệm xem xét lập thủ tục hoàn trả quyền sử dụng đất cho người

sử dụng đất trước khi có Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đối với phần diện tích đất trong Khu công nghiệp -: Chủ đầu tư Khu công nghiệp - là Công ty cổ phần S có trách nhiệm nộp hoàn lại số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất bị thu hồi trước đây vào Ngân sách Nhà nước.

Như vậy, mặc dù đã ngưng việc xây dựng hệ thống kênh chính thuộc công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen nhưng quỹ đất đã thu hồi vẫn được xác định là đất công trình công cộng do Nhà nước quản lý nên Nhà nước có quyền sử dụng diện tích đất này vào bất cứ mục đích gì theo quy định của pháp luật. Trước đó, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 919/TTg-CN ngày 11/7/2007 đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp - (trong đó có phần diện tích đất đã thu hồi để đầu tư xây dựng hệ thống kênh chính thuộc công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen) và hiện nay Dự án này vẫn đang triển khai thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

Qua rà soát số liệu thu hồi đất của tuyến kênh chính thuộc công trình Hồ chứa nước Đá Đen và bản đồ thu hồi đất công trình Khu Công nghiệp - thì phần diện tích 5.798,8m² của bà Đỗ Thị T đều nằm trong phạm vi thu hồi công trình Khu công nghiệp -. Việc bà Đỗ Thị T yêu cầu bồi thường theo đơn giá đất thu hồi công trình Khu Công nghiệp - là không phù hợp với nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh B tại Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 và không có cơ sở giải quyết.

Việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 1947/UBND-VP ngày 02/7/2018, Công văn số 5447/UBND-TNMT ngày 13/11/2020 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1951/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 là đúng quy định pháp luật và đúng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh B tại Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010.

Từ những nội dung trình bày nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C vẫn bảo lưu và giữ nguyên Công văn số 5447/UBND-TNMT ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 111/2023/HC-ST ngày 02 và 16 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đồ Thị T3:

- Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi 778.863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C, xã L, xã H thuộc thành phố B do Ban Q không còn nhu cầu sử dụng đất được giao, yêu cầu hủy phần khoản 2, Điều 2 của quyết định này.
- Yêu cầu hủy Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại Quyết định 4175/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện C.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.
- Yêu cầu hủy Công văn số 5447/UBND-VP ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của bà T3 và buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho bà T3 diện tích đất thu hồi 5.789,8m² đất theo giá đất tại thời điểm hiện tại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 24/01/2024, người khởi kiện bà Đỗ Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện bà Đỗ Thị T và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Hoàng Sỹ T1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đỗ Thị T làm trong hạn luật định, hợp lệ về hình thức nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Thị T xác định phần đất bà T khiếu nại có diện tích 5.798,8m²; trước đây đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 thu hồi và giao đất cho Ban Q1 để xây dựng công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 05/7/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 5606/QĐ.UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù cho 113 hộ dân cư có đất bị thu hồi để xây dựng Hệ thống kênh chính thuộc công trình hồ Đ, xã N, trong đó có hộ bà Đỗ Thị T. Cùng

ngày, Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 5710/QĐ.UB về việc phê duyệt kinh phí đền bù cho hộ bà Đỗ Thị T, với tổng số tiền đền bù là 23.079.224 đồng. Trong đó: Bồi thường thiệt hại do thu hồi đất là 19.599.994 đồng (diện tích 5.798,8m² đất nông nghiệp), bồi thường thiệt hại hoa màu cây trái là 3.479.280 đồng. Phần kinh phí đền bù này hộ bà Đỗ Thị T đã nhận đủ và đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư.

Do dự án triển khai thực hiện không hiệu quả nên ngày 11/7/2007, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 919/TTg-CN đồng ý chủ trương đầu tư xây dựng Khu Công nghiệp - (trong đó có phần diện tích đất đã thu hồi để đầu tư xây dựng hệ thống kênh chính thuộc công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen). Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 về việc thu hồi 778.863,7m² đất xây dựng kênh chính thuộc công trình thủy lợi Hồ chứa nước Đá Đen do không còn nhu cầu sử dụng đất được giao. Theo đó, đối với phần diện tích đất ngoài Khu công nghiệp - thì Ủy ban nhân dân tỉnh huyện C có trách nhiệm xem xét lập thủ tục hoàn trả quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất trước khi có Quyết định thu hồi đất số 430/QĐ-TTg ngày 12/5/2000 của Thủ tướng Chính phủ; đối với phần diện tích đất trong Khu công nghiệp - thì Chủ đầu tư Khu công nghiệp - là Công ty cổ phần S có trách nhiệm nộp hoàn lại số tiền đã bồi thường, hỗ trợ cho người sử dụng đất bị thu hồi trước đây vào Ngân sách Nhà nước.

Phần diện tích 5.798,8m² bà T khiếu nại được xác định tương ứng với các thửa đất số C/52, 53, C/57, C/58, C/64, C/68, 69, 70, C/71, C/74, C/79, C/75, C/84, C/90, C/91, C/99, C/109, C/111, C/124, C/130 tờ bản đồ địa chính số 8 xã H (cũ) và tương ứng với các thửa đất số 129, 130, 131, 132, 133, 134, 136, 137, 138, 139, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 248, 249, 250, 251, 252 tờ bản đồ địa chính số 04 xã N. Toàn bộ phần diện tích này đều nằm trong phạm vi thu hồi công trình Khu Công nghiệp - nên không thuộc trường hợp được hoàn trả quyền sử dụng đất theo Quyết định số 3497/QĐ-UBND.

Xét thấy, phần diện tích bà T khiếu nại đã bị thu hồi và được Nhà nước bồi thường, hỗ trợ theo quy định pháp luật; bà T không có ý kiến khiếu nại đối với quyết định thu hồi đất cũng như bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất trước đây. Hiện quỹ đất đã thu hồi vẫn là đất công trình công cộng do Nhà nước quản lý nên Nhà nước có quyền sử dụng diện tích đất này vào bất cứ mục đích nào theo quy định của pháp luật. Bà T cho rằng khi dự án Hồ chứa nước Đá Đen không thực hiện được và chuyển đổi một phần dự án sang làm khu công nghiệp huyện C thì phải ban hành quyết định thu hồi đất và tiến hành bồi thường lại cho bà theo giá đất cụ thể tương ứng với dự án thu hồi đất làm khu công nghiệp là không có cơ sở chấp nhận.

Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 1947/UBND-VP ngày 02/7/2018, Văn bản số 5447/UBND-TNMT ngày 13/11/2020 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1951/QĐ-UBND ngày 13/7/2022, nội dung bác khiếu nại của bà T là có căn cứ.

Đối với Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nội dung quyết định này không tác động trực tiếp đến hộ bà Đỗ Thị T. Bà T khiếu nại Quyết định số 3497/QĐ-UBND thuộc trường hợp không thụ lý giải quyết theo khoản 2 Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 4175/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 hủy bỏ Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Đỗ Thị T và đồng thời ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 1951/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 đối với bà T là đúng quy định pháp luật.

Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B là để giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Đỗ Thị T đối với Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện C. Tuy nhiên, nay Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 16/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện C đã bị thu hồi, hủy bỏ theo Quyết định số 4175/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện C, đối tượng khiếu nại không còn nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh B là cũng phù hợp pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T là có căn cứ. Kháng cáo của bà T không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng:

Án phí hành chính sơ thẩm, chi phí tố tụng sơ thẩm: Bà Đỗ Thị T phải chịu do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đỗ Thị T phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị T.

Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 111/2023/HC-ST ngày 02 và 16 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tuyên xử:

1/. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T về việc:

- Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 3497/QĐ-UBND ngày 24/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi 778,863,7m² đất xây dựng kênh chính

thuộc công trình thủy lợi hồ chứa nước Đá Đen tại xã S, xã N thuộc huyện C, xã L, xã H thuộc thành phố B do Ban Q không còn nhu cầu sử dụng đất được giao, yêu cầu hủy phần khoản 2, Điều 2 của quyết định này.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết khiếu nại Quyết định 4175/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Chủ tịch UBND huyện C.

- Yêu cầu Hủy Quyết định số 3534/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 và Thông báo số 248/TB-UBND ngày 14/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

- Yêu cầu hủy Công văn số 5447/UBND-VP ngày 13/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn kiến nghị của bà T và buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành quyết định thu hồi và bồi thường, hỗ trợ cho bà T diện tích đất thu hồi 5.789,8m² đất theo giá đất tại thời điểm hiện tại.

2/. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000798 ngày 21/3/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Đỗ Thị T phải nộp án 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006202 ngày 30/8/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T đã nộp xong án phí hành chính phúc thẩm.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đương sự (5);
- Lưu: HS(2), VP(3) 15B LTTT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy